Điều khoản hợp đồng IOWNet

phiên bản ngày 16/01/2025

(áp dụng cho khách hàng hoàn tất đăng ký từ ngày 01/01/2025 trở đi).

younet

Chương 1: Quy định chung

Điều 1 (Áp dụng điều khoản)

Công ty Cổ phần Younet (sau đây gọi là “Công ty”) quy định Điều khoản hợp đồng IOWNet này (bao gồm các quy định đặc biệt được nêu trong phụ lục của Điều khoản này, sau đây gọi chung là “Điều khoản”) và cung cấp dịch vụ IOWNet (sau đây gọi là “Dịch vụ”) theo các Điều khoản này.

2. Đối với Dịch vụ, Điều khoản này cũng như các quy định riêng lẻ và quy định bổ sung khác (sau đây gọi chung là “Các quy định riêng, v.v.”) sẽ được áp dụng. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc mâu thuẫn giữa Điều khoản và Các quy định riêng, v.v., thì Các quy định riêng, v.v. sẽ được ưu tiên áp dụng.

3. Điều khoản và Các quy định riêng, v.v. sẽ là nội dung của Hợp đồng liên quan đến việc sử dụng Dịch vụ (sau đây gọi là “Hợp đồng sử dụng Dịch vụ”) được ký kết giữa bên ký hợp đồng được quy định tại Điều 2 và Công ty.

Điều 2 (Định nghĩa thuật ngữ)

Trong Điều khoản này, các thuật ngữ dưới đây được sử dụng với ý nghĩa tương ứng như sau:

Thuật ngữ	Ý nghĩa thuật ngữ
(1) Thiết bị viễn thông	Máy móc, thiết bị, đường dây và các thiết bị điện khác được sử dụng để thực hiện thông tin liên lạc viễn thông.
(2) Dịch vụ viễn thông	Việc sử dụng thiết bị viễn thông để truyền tải thông tin liên lạc của người khác, hoặc cung cấp thiết bị viễn thông cho mục đích thông tin liên lạc của người khác.
(3) Mạng truyền thông IP	Thiết bị đường truyền viễn thông thực hiện việc truyền và trao đổi mã thông qua giao thức Internet, chủ yếu nhằm mục đích truyền dữ liệu (bao gồm thiết bị đường truyền kết nối giữa nơi truyền và nơi nhận, thiết bị chuyển mạch được lắp đặt đồng bộ với thiết bị đường truyền này và các thiết bị phụ trợ tương ứng; sau đây cũng có cùng ý nghĩa).
(4) IOWNet (Dịch vụ)	Dịch vụ viễn thông do Công ty cung cấp bằng cách sử dụng mạng truyền thông IP.
(5) Thiết bị chuyển mạch tại cơ sở cung cấp dịch vụ	Thiết bị chuyển mạch liên quan đến việc cung cấp Dịch vụ được lắp đặt tại văn phòng/cơ sở của doanh nghiệp được chỉ định (bao gồm các thiết bị được kết nối với thiết bị chuyển mạch đó).

(6) Người đăng ký	Người đã đăng ký sử dụng Hợp đồng sử dụng Dịch vụ.
(7) Bên ký hợp đồng	Người đã ký kết Hợp đồng sử dụng Dịch vụ với Công ty.
(8) Đường truyền của bên ký hợp đồng	Đường truyền viễn thông được lắp đặt giữa thiết bị chuyển mạch tại cơ sở cung cấp dịch vụ và địa điểm do người đăng ký hợp đồng chỉ định, dựa trên Hợp đồng sử dụng Dịch vụ.
(9) Thiết bị đầu cuối đường truyền	Thiết bị do Công ty hoặc doanh nghiệp được chỉ định lắp đặt tại điểm kết cuối của đường truyền của bên ký hợp đồng (không bao gồm thiết bị đầu cuối).
(10) Thiết bị đầu cuối	Thiết bị viễn thông được kết nối với một đầu của thiết bị đường truyền viễn thông, trong đó nơi lắp đặt một bộ phận nằm trong cùng một khuôn viên (bao gồm cả khu vực tương đương) hoặc trong cùng một tòa nhà với nơi lắp đặt các bộ phận khác.
(11) Thiết bị đầu cuối do người dùng tự lắp đặt	Thiết bị đầu cuối do bên ký hợp đồng tự lắp đặt.
(12) Thiết bị viễn thông do người dùng tự lắp đặt	Thiết bị viễn thông do một bên không phải là doanh nghiệp kinh doanh viễn thông lắp đặt, không thuộc loại thiết bị đầu cuối.
(13) Doanh nghiệp được chỉ định	Công ty TNHH Viễn thông Đông Nhật Bản (NTT East) hoặc Công ty TNHH Viễn thông Tây Nhật Bản (NTT West).
(14) Tiêu chuẩn kỹ thuật, v.v.	Quy định về thiết bị đầu cuối, v.v. (Sắc lệnh số 31 của Bộ Bưu chính Nhật Bản năm 1985) và các điều kiện kỹ thuật liên quan đến việc kết nối thiết bị đầu cuối, v.v.
(15) Khoản tương đương thuế tiêu dùng	Tổng số tiền gồm thuế tiêu dùng được áp dụng theo Luật Thuế tiêu dùng (Luật số 108 năm 1988) và các quy định pháp luật liên quan, cùng với thuế tiêu dùng địa phương được áp dụng theo Luật Thuế địa phương (Luật số 226 năm 1950) và các quy định pháp luật liên quan.
(16) Phòng MDF	Khu vực dùng chung trong khu nhà ở tập thể nơi bên ký hợp đồng sử dụng Dịch vụ, có bố trí MDF (tủ phân phối chính – Main Distribution Frame).

Điều 3 (Thay đổi Điều khoản)

Công ty có thể thay đổi Điều khoản theo quyết định của mình trong các trường hợp sau:

(1) Khi việc thay đổi Điều khoản phù hợp với lợi ích chung của các bên ký hợp đồng.

(2) Khi việc thay đổi Điều khoản không trái với mục đích của Hợp đồng sử dụng Dịch vụ, đồng thời xét đến sự cần thiết của việc thay đổi, tính hợp lý của nội dung sau khi thay đổi, nội dung thay đổi và các hoàn cảnh liên quan khác thì việc thay đổi được xem là hợp lý.

2. Khi thay đổi Điều khoản theo khoản trên, Công ty sẽ thông báo cho các bên ký hợp đồng chịu ảnh hưởng của việc thay đổi về việc thay đổi Điều khoản, nội dung Điều khoản sau khi thay đổi và ngày có hiệu lực của việc thay đổi trước ít nhất 1 tháng so với ngày có hiệu lực.

Thông báo sẽ được đăng trên trang web của Công ty (URL: https://youhikari.co.jp) hoặc được thông báo bằng phương thức khác do Công ty quy định.

Điều khoản sau khi thay đổi sẽ có hiệu lực kể từ ngày có hiệu lực của việc thay đổi, trừ trường hợp Công ty có quy định khác.

3. Sau ngày Điều khoản thay đổi có hiệu lực, nếu bên ký hợp đồng tiếp tục sử dụng Dịch vụ thì được xem là bên ký hợp đồng đã đồng ý với Điều khoản sau khi thay đổi.

4. Trong trường hợp Công ty ngừng cung cấp toàn bộ hoặc một phần Dịch vụ vì lý do thuộc về Công ty, Công ty sẽ thực hiện thông báo theo quy định tại Khoản 2. Tuy nhiên, quy định này không áp dụng trong trường hợp phần Dịch vụ nằm ngoài phạm vi trách nhiệm của Công ty bị ngừng cung cấp (ví dụ: doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ có ảnh hưởng đến cấu thành của Dịch vụ thực hiện thay đổi về thông số kỹ thuật) và Công ty không thể thực hiện thông báo trước.

5. Các thông báo và liên lạc khác mà Công ty thực hiện với bên ký hợp đồng dựa trên Điều khoản và Các quy định riêng, v.v. (sau đây trong Điều này gọi là “Thông báo, v.v.”) sẽ được thực hiện bằng cách gửi email, gửi văn bản qua đường bưu điện, chuyển phát văn bản, đăng tải trên trang web của Công ty hoặc bằng phương thức khác mà Công ty cho là phù hợp.

6. Trong trường hợp thực hiện Thông báo, v.v. bằng email, gửi văn bản qua đường bưu điện hoặc chuyển phát văn bản, Công ty sẽ gửi thông báo đến địa chỉ liên hệ mà bên ký hợp đồng đã đăng ký với Công ty.

7. Thông báo, v.v. sẽ có hiệu lực kể từ thời điểm Công ty gửi hoặc phát hành email/văn bản có ghi nội dung của Thông báo, v.v., hoặc kể từ thời điểm nội dung đó được đăng tải trên trang web của Công ty.

Chương 2: Hợp đồng

Điều 4 (Thành lập hợp đồng)

Hợp đồng sử dụng Dịch vụ được thành lập tại thời điểm người có nhu cầu sử dụng đồng ý với Điều khoản, thực hiện đăng ký Hợp đồng sử dụng Dịch vụ theo thủ tục do Công ty quy định riêng và Công ty đăng ký người đăng ký đó với tư cách là người sử dụng.

2. Ngày bắt đầu cung cấp Dịch vụ là ngày do Công ty quy định riêng sau khi hoàn tất việc thi công đường truyền. Công ty sẽ thông báo ngày bắt đầu cung cấp Dịch vụ cho bên ký hợp đồng bằng phương thức mà Công ty cho là phù hợp.

3. Trừ trường hợp có quy định khác, Hợp đồng sử dụng Dịch vụ sẽ tiếp tục có hiệu lực cho đến khi bên ký hợp đồng hoặc Công ty chấm dứt hợp đồng theo quy định của Điều khoản.

Điều 5 (Đơn vị hợp đồng)

Công ty sẽ ký kết một Hợp đồng sử dụng Dịch vụ cho mỗi bộ phận kết nối đường truyền hoặc mỗi đường truyền sử dụng.

Điều 6 (Khu vực cung cấp Dịch vụ)

Dịch vụ được cung cấp trong khu vực cung cấp do Công ty quy định riêng.

Điều 7 (Chấp thuận đăng ký hợp đồng)

Khi chấp thuận đăng ký Hợp đồng sử dụng Dịch vụ, Công ty sẽ thông báo cho người đăng ký hợp đồng dựa trên Điều 3 (Thay đổi Điều khoản).

2. Công ty có thể không chấp thuận đăng ký Hợp đồng sử dụng Dịch vụ nếu thuộc một trong các trường hợp sau. Trong trường hợp này, Công ty không có nghĩa vụ phải tiết lộ lý do không chấp thuận.

(1) Người đăng ký Hợp đồng sử dụng Dịch vụ không phải là cùng một người với người đang ký hợp đồng đường truyền sử dụng liên quan đến Dịch vụ đó.

(2) Khi việc cung cấp hoặc bảo trì Dịch vụ gặp khó khăn nghiêm trọng về mặt kỹ thuật.

(3) Khi người đăng ký hiện đang không thanh toán hoặc có nguy cơ không thanh toán phí Dịch vụ hoặc các chi phí liên quan đến việc thi công.

(4) Khi có nguy cơ vi phạm các quy định tại Điều 40 (Nghĩa vụ của bên ký hợp đồng liên quan đến việc sử dụng Dịch vụ).

(5) Khi người đăng ký không thể nhận được sự chấp thuận của chủ sở hữu hoặc người quản lý tòa nhà về việc lắp đặt và vận hành thiết bị đầu cuối đường truyền và thiết bị đầu cuối do Công ty quy định tại phòng MDF.

(6) Khi có những trở ngại nghiêm trọng khác đối với việc thực hiện hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều 8 (Thay đổi hợp đồng)

Bên ký hợp đồng có thể yêu cầu thay đổi loại hình Dịch vụ theo quy định riêng của Công ty.

2. Khi nhận được yêu cầu nêu tại khoản trên, Công ty sẽ xử lý theo các quy định tương tự Điều 7 (Chấp thuận đăng ký hợp đồng).

Điều 9 (Di chuyển đường truyền của bên ký hợp đồng)

Bên ký hợp đồng có thể yêu cầu di chuyển đường truyền của mình, nhưng chỉ trong phạm vi khu vực được quy định tại Điều 6 (Khu vực cung cấp Dịch vụ).

2. Khi nhận được yêu cầu nêu tại khoản trên, Công ty sẽ xử lý theo các quy định tương tự Điều 7 (Chấp thuận đăng ký hợp đồng).

Điều 10 (Thay đổi họ tên, v.v. của bên ký hợp đồng)

Trong trường hợp có thay đổi đối với thông tin mà bên ký hợp đồng đã thông báo cho Công ty khi đăng ký Hợp đồng sử dụng Dịch vụ, bên ký hợp đồng phải thông báo cho Công ty không chậm trễ bằng phương thức do Công ty quy định.

2. Bên ký hợp đồng không được thay đổi tên đã đăng ký với Công ty, trừ trường hợp được Công ty chấp thuận, chẳng hạn như thay đổi họ do kết hôn.

3. Khi bên ký hợp đồng yêu cầu thay đổi nội dung hợp đồng, Công ty có thể yêu cầu bên ký hợp đồng xuất trình các giấy tờ chứng minh sự việc liên quan đến yêu cầu thay đổi đó.

4. Ngay cả khi bên ký hợp đồng phải chịu bất lợi do không thực hiện các thông báo được quy định tại các khoản trên, Công ty hoàn toàn không chịu trách nhiệm về những bất lợi đó.

Điều 11 (Kế thừa tư cách của bên ký hợp đồng)

Khi tư cách của bên ký hợp đồng được kế thừa do thừa kế, sáp nhập hoặc chia tách pháp nhân, người thừa kế hoặc pháp nhân kế thừa tư cách của bên ký hợp đồng phải gửi thông báo cho Công ty, kèm theo các giấy tờ chứng minh sự việc này theo mẫu văn bản do Công ty quy định.

2. Trong trường hợp nêu tại khoản trên, nếu có từ 2 người trở lên cùng kế thừa tư cách của bên ký hợp đồng, những người đó phải chỉ định một người làm đại diện đối với Công ty và thông báo cho Công ty. Trường hợp thay đổi người đại diện cũng áp dụng tương tự.

3. Cho đến khi nhận được thông báo về người đại diện theo quy định tại khoản trên, Công ty sẽ tạm thời xem một trong những người kế thừa tư cách của bên ký hợp đồng là người đại diện.

Điều 12 (Cấm chuyển nhượng quyền, v.v.)

Bên ký hợp đồng không được thực hiện các hành vi như chuyển nhượng, cấp quyền sử dụng, bán quyền mà mình có với tư cách là bên ký hợp đồng cho bên thứ ba, hoặc dùng các quyền đó làm tài sản bảo đảm, chẳng hạn như thiết lập quyền cầm cố, nếu chưa được Công ty chấp thuận.

Điều 13 (Chấm dứt Hợp đồng sử dụng Dịch vụ do bên ký hợp đồng thực hiện)

Bên ký hợp đồng có thể chấm dứt Hợp đồng sử dụng Dịch vụ bằng cách thông báo theo thủ tục do Công ty quy định.

2. Trừ trường hợp có quy định khác, ngày chấm dứt có hiệu lực theo khoản trên là ngày hoàn tất việc tháo dỡ thiết bị chuyển mạch tại cơ sở cung cấp dịch vụ, đường truyền của bên ký hợp đồng và thiết bị đầu cuối đường truyền cần thiết để ngừng cung cấp Dịch vụ.

3. Trong trường hợp bên ký hợp đồng chấm dứt Hợp đồng sử dụng Dịch vụ có quy định về thời hạn hợp đồng tối thiểu trong thời hạn tối thiểu đó, bên ký hợp đồng phải thanh toán phí phạt vi phạm hợp đồng do Công ty quy định, trừ trường hợp có quy định khác.

Điều 14 (Chấm dứt Hợp đồng sử dụng Dịch vụ do Công ty thực hiện)

Công ty có thể chấm dứt Hợp đồng sử dụng Dịch vụ trong các trường hợp sau:

(1) Bên ký hợp đồng đã bị ngừng cung cấp Dịch vụ theo quy định tại Điều 20 (Ngừng cung cấp Dịch vụ) nhưng vẫn không khắc phục tình trạng đó.

(2) Đối với đường truyền của bên ký hợp đồng, v.v. do Công ty quy định riêng, khi không thể thực hiện việc thay đổi đường truyền kết nối (là việc thay đổi thiết bị đường truyền liên quan đến đường truyền của bên ký hợp đồng, v.v. sang thiết bị đường truyền khác do Công ty chỉ định; sau đây cũng có cùng ý nghĩa), do các lý do như không còn chỗ trống trên các thiết bị đường truyền viễn thông khác.

(3) Khi có sự thay đổi tên của bên ký hợp đồng hoặc có việc kế thừa tư cách của bên ký hợp đồng.

(4) Khi không thể hoàn thành việc thi công trước thời hạn do Công ty quy định.

(5) Khi Công ty nhận được thông báo về việc bên ký hợp đồng qua đời và Công ty xác nhận sự việc đó.

(6) Khi sự chấp thuận được quy định tại Điều 7, Khoản 2, Mục (5) bị hủy bỏ.

(7) Khi bên ký hợp đồng vi phạm hoặc có nguy cơ vi phạm hợp đồng khác với Công ty ngoài Hợp đồng sử dụng Dịch vụ này.

2. Trong trường hợp bên ký hợp đồng thuộc một trong các trường hợp được quy định tại các mục của Khoản 1 Điều 20 (Ngừng cung cấp Dịch vụ) và Công ty nhận thấy sự việc đó gây trở ngại nghiêm trọng cho hoạt động kinh doanh của Công ty, Công ty có thể chấm dứt Hợp đồng sử dụng Dịch vụ mà

không cần ngừng cung cấp đường truyền của bên ký hợp đồng, v.v., bất kể quy định tại Điều 20 (Ngừng cung cấp Dịch vụ).

3. Khi Công ty biết rằng bên ký hợp đồng đã phát sinh các sự kiện như nộp đơn phá sản, thủ tục phục hồi dân sự, thủ tục phục hồi doanh nghiệp hoặc các lý do tương tự, Công ty có thể chấm dứt Hợp đồng sử dụng Dịch vụ.

4. Khi Công ty có ý định chấm dứt Hợp đồng sử dụng Dịch vụ theo quy định tại ba khoản trên, Công ty sẽ thông báo trước cho bên ký hợp đồng. Tuy nhiên, quy định này không áp dụng trong trường hợp khẩn cấp và không thể tránh khỏi.

5. Ngay cả khi bên ký hợp đồng phải chịu thiệt hại do Hợp đồng sử dụng Dịch vụ bị chấm dứt theo quy định tại Khoản 1 đến Khoản 3 của Điều này, Công ty hoàn toàn không chịu trách nhiệm và bên ký hợp đồng đồng ý với điều này.

6. Khi chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Khoản 1 đến Khoản 3 của Điều này, chi phí cần thiết để khôi phục lại hiện trạng ban đầu của khu đất, nhà ở, công trình, v.v. thuộc quyền sở hữu hoặc sử dụng của bên ký hợp đồng sẽ do bên ký hợp đồng chịu.

7. Ngay cả khi Hợp đồng sử dụng Dịch vụ bị chấm dứt theo quy định tại Khoản 1 đến Khoản 3 của Điều này, bên ký hợp đồng vẫn phải thanh toán chi phí thi công được quy định trong Bảng giá cước tại Phụ lục.

Điều 15 (Về việc xử lý thông tin cá nhân)

Để thực hiện Dịch vụ, Công ty sẽ xử lý phù hợp các thông tin cá nhân do bên ký hợp đồng cung cấp (là “thông tin cá nhân” được quy định trong Luật Bảo vệ Thông tin Cá nhân), dựa trên Luật Bảo vệ Thông tin Cá nhân (Luật số 57 năm 2003) và “Chính sách bảo vệ thông tin cá nhân / Về việc xử lý thông tin cá nhân” do Công ty quy định riêng (https://youhikari.co.jp/privacy.html) (sau đây gọi là “Quy định của Công ty”).

2. Ngoài các mục đích được quy định trong Quy định của Công ty, Công ty sử dụng thông tin cá nhân của bên ký hợp đồng cho các mục đích sau:

(1) Cung cấp Dịch vụ cho bên ký hợp đồng.

(2) Quản lý bên ký hợp đồng.

(3) Liên lạc về các vấn đề cần thiết cho việc vận hành Dịch vụ.

(4) Đóng gói và vận chuyển các thiết bị, v.v. cần thiết để sử dụng Dịch vụ.

(5) Thực hiện các công việc liên quan đến việc tính và thu phí.

(6) Xử lý các yêu cầu, thắc mắc từ bên ký hợp đồng.

(7) Gửi bản tin qua email do Công ty phát hành.

(8) Quảng cáo, tuyên truyền và mời chào bán các dịch vụ của Công ty và bên thứ ba.

(9) Thực hiện các hoạt động liên quan đến Dịch vụ như chương trình khuyến mãi, chương trình trúng thưởng, khảo sát, v.v.

(10) Thực hiện các cuộc điều tra, khảo sát và phân tích marketing cần thiết cho việc phát triển các dịch vụ mới.

3. Công ty sẽ bảo vệ thông tin cá nhân một cách phù hợp theo Quy định của Công ty và có thể cung cấp thông tin trong các trường hợp sau:

(a) Khi đã nhận được sự đồng ý của bên ký hợp đồng.

(b) Khi pháp luật hoặc các quy định liên quan yêu cầu phải công khai; khi được yêu cầu cung cấp trong các thủ tục pháp lý như điều tra tội phạm; hoặc khi nhận được yêu cầu cung cấp thông tin từ các cơ quan công quyền như trung tâm bảo vệ người tiêu dùng, hiệp hội luật sư, v.v. dựa trên lý do chính đáng.

(c) Khi cần thiết trong quá trình kế thừa hoạt động kinh doanh do sáp nhập, chuyển nhượng hoạt động kinh doanh hoặc các lý do khác.

4. Theo Quy định của Công ty, Công ty có thể ủy thác toàn bộ hoặc một phần công việc cho bên thứ ba trong phạm vi mục đích sử dụng được quy định tại Điều này.

5. Các quy định của Điều này vẫn tiếp tục có hiệu lực sau khi Dịch vụ kết thúc.

Chương 3: Thiết bị đầu cuối

Điều 16 (Cung cấp thiết bị đầu cuối)

Khi nội dung Dịch vụ bao gồm việc cho thuê thiết bị hoặc khi bên ký hợp đồng có yêu cầu, Công ty sẽ cung cấp thiết bị đầu cuối theo quy định tại Bảng giá cước trong Phụ lục.

Tuy nhiên, trong trường hợp việc cung cấp thiết bị đầu cuối gặp khó khăn về mặt kỹ thuật, hoặc việc bảo trì gặp khó khăn nghiêm trọng, hoặc có trở ngại đối với việc thực hiện hoạt động kinh doanh của Công ty, Công ty có thể không cung cấp các chức năng bổ sung của thiết bị.

Điều 17 (Di chuyển thiết bị đầu cuối)

Khi bên ký hợp đồng có yêu cầu, Công ty sẽ thực hiện việc di chuyển thiết bị đầu cuối do Công ty cung cấp.

Tuy nhiên, không áp dụng đối với thiết bị đầu cuối được lắp đặt tại phòng MDF.

Điều 18 (Hoàn trả thiết bị đầu cuối)

Bên ký hợp đồng được Công ty cung cấp thiết bị đầu cuối phải nhanh chóng hoàn trả thiết bị đầu cuối đó về địa điểm do Công ty hoặc doanh nghiệp được chỉ định quy định trong các trường hợp sau:

(1) Khi Hợp đồng sử dụng Dịch vụ bị chấm dứt.

(2) Khi ngừng sử dụng thiết bị đầu cuối của Công ty.

(3) Khi không còn sử dụng thiết bị đầu cuối do có sự thay đổi về nội dung của Hợp đồng sử dụng Dịch vụ hoặc các trường hợp khác.

Chương 4: Ngừng cung cấp Dịch vụ, v.v.

Điều 19 (Ngừng cung cấp Dịch vụ)

Công ty có thể ngừng cung cấp Dịch vụ trong các trường hợp sau:

(1) Khi việc ngừng cung cấp là không thể tránh khỏi vì lý do bảo trì, thi công thiết bị viễn thông của Công ty hoặc để đảm bảo chất lượng Dịch vụ.

(2) Khi ngừng cung cấp Dịch vụ theo quy định tại Điều 22 (Hạn chế sử dụng thông tin liên lạc, v.v.).

(3) Khi thực hiện thi công thay đổi kết nối đường truyền đối với đường truyền của bên ký hợp đồng, v.v. do Công ty quy định riêng.

2. Khi Công ty ngừng cung cấp Dịch vụ theo quy định tại khoản trên, Công ty sẽ thông báo trước cho bên ký hợp đồng bằng phương thức mà Công ty cho là phù hợp.

Tuy nhiên, quy định này không áp dụng trong trường hợp khẩn cấp và không thể tránh khỏi.

Điều 20 (Ngừng cung cấp Dịch vụ)

Khi bên ký hợp đồng thuộc một trong các trường hợp dưới đây, Công ty có thể ngừng cung cấp đường truyền của bên ký hợp đồng, v.v. trong khoảng thời gian do Công ty quy định.

(1) Khi bên ký hợp đồng không thanh toán các khoản phí hoặc các khoản nợ khác ngay cả sau khi đã quá thời hạn thanh toán.
(Trong trường hợp khoản phải thu liên quan đến phí hoặc các khoản nợ khác được chuyển nhượng cho doanh nghiệp được quy định tại Điều 30 (Chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng khoản phải thu), thì được hiểu là trường hợp không thanh toán cho doanh nghiệp đó.)

(2) Khi bên ký hợp đồng không thanh toán các khoản phí, v.v. của các dịch vụ thuộc hợp đồng dịch vụ khác đã hoặc đang ký kết với Công ty, ngay cả sau khi đã quá thời hạn thanh toán.

(3) Khi vi phạm các quy định tại Điều 40 (Nghĩa vụ của bên ký hợp đồng liên quan đến việc sử dụng Dịch vụ).

(4) Khi tự ý kết nối với đường truyền của bên ký hợp đồng, v.v. các thiết bị đầu cuối do bên ký hợp đồng tự lắp đặt, thiết bị viễn thông do bên ký hợp đồng tự lắp đặt, đường truyền viễn thông do doanh nghiệp viễn thông khác ngoài Công ty lắp đặt, hoặc đường truyền viễn thông liên quan đến dịch vụ viễn thông do Công ty cung cấp mà không được Công ty chấp thuận.

(5) Khi bên ký hợp đồng từ chối kiểm tra do Công ty thực hiện trong trường hợp thiết bị đầu cuối hoặc thiết bị viễn thông do bên ký hợp đồng tự lắp đặt được kết nối với đường truyền của bên ký hợp đồng, v.v. có sự bất thường hoặc có vấn đề gây cản trở việc cung cấp dịch vụ viễn thông một cách thuận lợi; hoặc khi không tháo dỡ thiết bị đầu cuối hoặc thiết bị viễn thông do bên ký hợp đồng tự lắp đặt mà qua kết quả kiểm tra được xác định là không phù hợp với các tiêu chuẩn kỹ thuật, v.v. khỏi đường truyền của bên ký hợp đồng, v.v.

(6) Ngoài các trường hợp nêu trên, khi bên ký hợp đồng thực hiện hành vi vi phạm các quy định của Điều khoản và hành vi đó gây ra hoặc có nguy cơ gây ra trở ngại nghiêm trọng đối với hoạt động kinh doanh liên quan đến Dịch vụ hoặc thiết bị viễn thông, v.v. của Công ty.

2. Khi Công ty có ý định ngừng cung cấp đường truyền của bên ký hợp đồng, v.v. theo quy định tại khoản trên, Công ty sẽ thông báo trước cho bên ký hợp đồng về việc này.

Tuy nhiên, khi ngừng cung cấp Dịch vụ theo Khoản 1, Mục (2) của Điều này và trường hợp khẩn cấp, không thể tránh khỏi, quy định trên không được áp dụng.

Điều 21 (Biện pháp xử lý khi không thể cung cấp đường truyền của bên ký hợp đồng)

Khi Công ty không thể cung cấp đường truyền của bên ký hợp đồng vì những lý do không thuộc trách nhiệm của Công ty cũng như bên ký hợp đồng, Công ty có thể chấm dứt Hợp đồng sử dụng Dịch vụ, trừ trường hợp bên ký hợp đồng yêu cầu tạm ngừng sử dụng đường truyền của bên ký hợp đồng, v.v.

2. Khi Công ty có ý định chấm dứt Hợp đồng sử dụng Dịch vụ theo quy định tại khoản trên, Công ty sẽ thông báo trước cho bên ký hợp đồng.

Chương 5: Thông tin liên lạc

Điều 22 (Hạn chế sử dụng thông tin liên lạc, v.v.)

Khi xảy ra hoặc có nguy cơ xảy ra thiên tai, biến cố hoặc tình trạng khẩn cấp khác, Công ty có thể hạn chế việc sử dụng đường truyền của bên ký hợp đồng, v.v. nhằm ưu tiên xử lý các thông tin liên lạc có nội dung cần thiết cho việc phòng ngừa hoặc cứu trợ thiên tai, đảm bảo giao thông, thông tin liên lạc hoặc cung cấp điện, duy trì trật tự, cũng như các thông tin liên lạc có nội dung liên quan đến những vấn đề cấp thiết vì lợi ích công cộng.

2. Khi thông tin liên lạc bị tắc nghẽn nghiêm trọng, thông tin liên lạc có thể không đến được bên nhận.

3. Ngoài các trường hợp quy định tại các khoản trên, khi thông tin liên lạc bị tắc nghẽn nghiêm trọng, Công ty có thể hạn chế thời gian liên lạc hoặc việc sử dụng thông tin liên lạc tại một khu vực cụ thể.

4. Khi thời gian của một lần liên lạc vượt quá một khoảng thời gian nhất định hoặc dung lượng liên lạc vượt quá một dung lượng nhất định, Công ty có thể hạn chế hoặc ngắt kết nối liên lạc đó.

5. Để đảm bảo tính công bằng trong việc sử dụng giữa các bên ký hợp đồng và cung cấp Dịch vụ một cách thuận lợi, Công ty có thể hạn chế tốc độ hoặc dung lượng liên lạc đối với các hoạt động sử dụng phương thức liên lạc chiếm dụng băng thông liên tục và với dung lượng lớn, chẳng hạn như phát video, trao đổi tệp (P2P), v.v.

6. Bên ký hợp đồng không được yêu cầu Công ty bồi thường bất kỳ thiệt hại nào phát sinh do việc hạn chế thời gian liên lạc, v.v.

7. Để thực hiện việc hạn chế thời gian liên lạc, v.v. được quy định tại Điều này, Công ty có thể thu thập, phân tích và lưu trữ thông tin liên quan đến hoạt động liên lạc.

Chương 6: Cước phí, v.v.

Điều 23 (Phí sử dụng, cước phí và chi phí thi công, v.v.)

Các khoản phí liên quan đến Dịch vụ do Công ty cung cấp và thiết bị đầu cuối do Công ty cho thuê bao gồm phí sử dụng và phí liên quan đến thủ tục, được quy định tại Bảng giá cước trong Phụ lục.

2. Chi phí liên quan đến việc thi công Dịch vụ do Công ty cung cấp và thiết bị đầu cuối do Công ty cho thuê được gọi là chi phí thi công, và được quy định tại Bảng giá cước trong Phụ lục.

3. Trong trường hợp thiết bị đầu cuối do Công ty cho thuê bị mất, hư hỏng hoặc không được hoàn trả cho Công ty vì các lý do khác, phí bồi thường thiệt hại thiết bị sẽ được áp dụng theo quy định tại Bảng giá cước trong Phụ lục.

Điều 23 (Nghĩa vụ thanh toán phí sử dụng)

Trừ trường hợp có quy định khác, bên ký hợp đồng phải thanh toán phí sử dụng được quy định tại Bảng giá cước trong Phụ lục cho khoảng thời gian tính từ ngày Công ty bắt đầu cung cấp Dịch vụ cho đến ngày kết thúc Hợp đồng sử dụng Dịch vụ.

Ngoài ra, đối với thiết bị đầu cuối do Công ty cho thuê, bên ký hợp đồng phải thanh toán phí sử dụng được quy định tại Bảng giá cước trong Phụ lục cho khoảng thời gian tính từ ngày Công ty bắt đầu cho thuê thiết bị đó cho đến ngày kết thúc việc cho thuê thiết bị.

2. Ngay cả khi việc cung cấp Dịch vụ bị tạm ngừng hoặc ngừng cung cấp theo quy định tại Điều 20 (Ngừng cung cấp Dịch vụ), bên ký hợp đồng vẫn phải thanh toán phí sử dụng trong khoảng thời gian đó.

3. Trừ các trường hợp sau đây, bên ký hợp đồng vẫn phải thanh toán phí sử dụng trong khoảng thời gian không thể sử dụng Dịch vụ.

Phân biệt	Phí sử dụng không cần phải thanh toán
Khi do nguyên nhân không thuộc trách nhiệm của bên ký hợp đồng khiến Dịch vụ hoàn toàn không thể sử dụng được, và tình trạng đó kéo dài từ 24 giờ trở lên, tính từ thời điểm Công ty biết được sự việc.	Đối với thời gian không thể sử dụng Dịch vụ kể từ thời điểm Công ty biết được sự việc đó (chỉ tính phần thời gian là bội số của 24 giờ), số ngày sẽ được tính theo từng khoảng 24 giờ, và phí sử dụng Dịch vụ tương ứng với số ngày đó.
Khi xảy ra tình trạng hoàn toàn không thể sử dụng Dịch vụ do lỗi cố ý hoặc lỗi nghiêm trọng của Công ty.	Đối với thời gian không thể sử dụng Dịch vụ kể từ thời điểm Công ty biết được sự việc đó, sẽ áp dụng mức phí của Dịch vụ tương ứng với khoảng thời gian không thể sử dụng.

4. Nếu khoản phí sử dụng không cần thanh toán đã được thanh toán trước đó, Công ty sẽ hoàn trả khoản phí sử dụng đó.

Điều 25 (Nghĩa vụ thanh toán chi phí thi công)

Khi bên ký hợp đồng đăng ký hợp đồng hoặc yêu cầu thực hiện công việc cần thi công và được Công ty chấp thuận, bên ký hợp đồng phải thanh toán chi phí thi công được quy định trong Bảng giá cước.

Tuy nhiên, quy định này không áp dụng nếu hợp đồng bị chấm dứt hoặc yêu cầu thi công bị hủy trước khi bắt đầu thi công (sau đây trong Điều này gọi chung là “Chấm dứt, v.v.”).

Trong trường hợp này, nếu chi phí thi công đã được thanh toán, Công ty sẽ hoàn trả chi phí thi công đó.

2. Nếu việc Chấm dứt, v.v. xảy ra sau khi đã bắt đầu thi công, bất kể quy định tại khoản trên, bên ký hợp đồng vẫn phải thanh toán chi phí thi công được quy định trong Bảng giá cước tại Phụ lục.

Điều 26 (Nghĩa vụ thanh toán phí liên quan đến thủ tục)

Khi bên ký hợp đồng yêu cầu thực hiện thủ tục liên quan đến Dịch vụ và được Công ty chấp thuận, bên ký hợp đồng phải thanh toán phí liên quan đến thủ tục được quy định trong Bảng giá cước tại Phụ lục.

Điều 27 (Phương pháp tính phí, v.v.)

Phương pháp tính phí sử dụng, cước phí, chi phí thi công và các khoản tiền khác mà bên ký hợp đồng phải thanh toán cho Công ty được quy định tại Điều 23 (sau đây gọi chung là “Các khoản phí, v.v.”), cũng như phương thức thanh toán Các khoản phí, v.v., sẽ được thực hiện theo quy định tại Bảng giá cước trong Phụ lục.

Điều 28 (Phí phạt bổ sung)

Trong trường hợp bên ký hợp đồng bất hợp pháp trốn tránh việc thanh toán phí hoặc chi phí liên quan đến thi công, ngoài số tiền đã trốn thanh toán, bên ký hợp đồng phải trả thêm một khoản phí phạt bổ sung tương đương 2 lần số tiền đã trốn thanh toán (không bao gồm khoản tương đương thuế tiêu dùng), cộng thêm khoản tương đương thuế tiêu dùng.

Điều 29 (Lãi chậm thanh toán)

Nếu bên ký hợp đồng vẫn chưa thanh toán các khoản phí hoặc các khoản nợ khác (không bao gồm lãi chậm thanh toán) sau khi đã quá thời hạn thanh toán, bên ký hợp đồng phải thanh toán lãi chậm thanh toán được tính theo lãi suất pháp định, cho khoảng thời gian từ ngày tiếp theo sau ngày đến hạn thanh toán đến ngày trước ngày thực tế thanh toán.

Điều 30 (Chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng khoản phải thu)

Bên ký hợp đồng đồng ý trước rằng Công ty có thể chuyển nhượng các khoản phải thu liên quan đến phí, v.v. của Dịch vụ hoặc các khoản phải thu khác mà Công ty có đối với bên ký hợp đồng cho bên nhận chuyển nhượng do Công ty chỉ định.

Trong trường hợp này, Công ty có thể bỏ qua việc thông báo riêng cho bên ký hợp đồng hoặc yêu cầu bên ký hợp đồng chấp thuận việc chuyển nhượng.

2. Bên ký hợp đồng đồng ý trước rằng Công ty sẽ nhận chuyển nhượng các khoản phải thu của doanh nghiệp khác cung cấp Dịch vụ (chỉ giới hạn ở các doanh nghiệp do Công ty quy định riêng; sau đây trong Điều này cũng có cùng ý nghĩa) mà theo các quy định, v.v. của doanh nghiệp đó, các khoản phải thu này được chuyển nhượng cho Công ty, và Công ty sẽ yêu cầu bên ký hợp đồng thanh toán các khoản phải thu đó.

Trong trường hợp này, doanh nghiệp cung cấp Dịch vụ và Công ty có thể bỏ qua việc thông báo riêng cho bên ký hợp đồng hoặc yêu cầu bên ký hợp đồng chấp thuận việc chuyển nhượng.

3. Trong trường hợp quy định tại khoản trên, Công ty sẽ xử lý các khoản phải thu đã nhận chuyển nhượng như là phí Dịch vụ do Công ty cung cấp.

4. Trong trường hợp bên ký hợp đồng không thanh toán khoản nợ liên quan đến khoản phải thu mà Công ty đã nhận chuyển nhượng theo quy định tại Điều trên trước thời hạn thanh toán do Công ty quy định (trong trường hợp khoản phải thu liên quan đến phí hoặc các khoản nợ khác được chuyển nhượng cho doanh nghiệp được quy định tại Khoản 1 của Điều này, thì được hiểu là trường hợp không thanh toán cho doanh nghiệp đó), bên ký hợp đồng đồng ý rằng Công ty có thể thông báo cho

doanh nghiệp đã chuyển nhượng khoản phải thu cho Công ty về việc khoản phí đó chưa được thanh toán, v.v.

Chương 7: Bảo trì

Điều 31 (Trách nhiệm bảo trì của Công ty)

Công ty sẽ duy trì thiết bị viễn thông (chỉ giới hạn ở các thiết bị do Công ty lắp đặt) sao cho phù hợp với Quy định về thiết bị viễn thông phục vụ kinh doanh (Sắc lệnh số 30 của Bộ Bưu chính Nhật Bản năm 1985).

Điều 32 (Trách nhiệm bảo trì của bên ký hợp đồng)

Bên ký hợp đồng có trách nhiệm duy trì thiết bị đầu cuối do mình tự lắp đặt hoặc thiết bị viễn thông do mình tự lắp đặt sao cho phù hợp với các tiêu chuẩn kỹ thuật và điều kiện kỹ thuật.

Điều 33 (Trách nhiệm xác định nguyên nhân sự cố của bên ký hợp đồng)

Khi thiết bị đầu cuối hoặc thiết bị viễn thông do bên ký hợp đồng tự lắp đặt được kết nối với đường truyền sử dụng, v.v. nhưng không thể sử dụng thiết bị viễn thông của Công ty, bên ký hợp đồng phải kiểm tra và xác nhận rằng thiết bị đầu cuối hoặc thiết bị viễn thông do mình tự lắp đặt không bị hỏng, sau đó yêu cầu Công ty sửa chữa.

2. Khi thực hiện việc kiểm tra nêu tại khoản trên, nếu bên ký hợp đồng có yêu cầu, Công ty sẽ tiến hành kiểm tra tại cơ sở cung cấp Dịch vụ và thông báo kết quả cho bên ký hợp đồng.

3. Trong trường hợp kết quả kiểm tra nêu tại khoản trên xác định rằng thiết bị viễn thông do Công ty lắp đặt không bị hỏng, nhưng theo yêu cầu của bên ký hợp đồng, Công ty hoặc doanh nghiệp được chỉ định cử nhân viên đến kiểm tra và kết quả cho thấy nguyên nhân sự cố nằm ở thiết bị đầu cuối hoặc thiết bị viễn thông do bên ký hợp đồng tự lắp đặt, thì bên ký hợp đồng phải chịu chi phí cần thiết cho việc cử nhân viên đến kiểm tra.

Trong trường hợp này, số tiền bên ký hợp đồng phải thanh toán là chi phí thực tế phát sinh cho việc cử nhân viên đến, cộng thêm khoản tương đương thuế tiêu dùng.

Điều 34 (Thứ tự ưu tiên sửa chữa hoặc khôi phục)

Trong trường hợp thiết bị viễn thông do Công ty lắp đặt bị hỏng hoặc bị mất, nếu Công ty không thể sửa chữa hoặc khôi phục toàn bộ thiết bị đó, Công ty sẽ tiến hành sửa chữa hoặc khôi phục thiết bị viễn thông theo thứ tự ưu tiên sau đây.

Thứ tự	Tên tổ chức
1	Hợp đồng với cơ quan khí tượng Hợp đồng với cơ quan phòng chống lũ lụt Hợp đồng với cơ quan phòng cháy chữa cháy Hợp đồng với cơ quan cứu trợ thiên tai Hợp đồng với cơ quan cảnh sát Hợp đồng với cơ quan quốc phòng Hợp đồng với cơ quan trực tiếp liên quan đến việc đảm bảo vận chuyển Hợp đồng với cơ quan trực tiếp liên quan đến việc đảm bảo thông tin liên lạc Hợp đồng với cơ quan trực tiếp liên quan đến việc đảm bảo cung cấp điện
2	Hợp đồng với cơ quan trực tiếp liên quan đến việc đảm bảo cung cấp gas Hợp đồng với cơ quan trực tiếp liên quan đến việc đảm bảo cung cấp nước Hợp đồng với cơ quan quản lý bầu cử Hợp đồng với cơ quan của các công ty báo chí, đài phát thanh/truyền hình và hãng thông tấn Hợp đồng với các tổ chức tài chính thực hiện nghiệp vụ tiền gửi và tiết kiệm Hợp đồng với cơ quan nhà nước hoặc chính quyền địa phương (trừ những cơ quan thuộc hạng ưu tiên 1)
3	Các trường hợp không thuộc hạng ưu tiên 1 và hạng ưu tiên 2.

Chương 8: Bồi thường thiệt hại

Điều 35 (Giới hạn trách nhiệm)

Trong trường hợp Công ty có nghĩa vụ cung cấp Dịch vụ nhưng không cung cấp được do nguyên nhân thuộc trách nhiệm của Công ty, Công ty chỉ chấp nhận yêu cầu giảm phí của bên ký hợp đồng khi tình trạng hoàn toàn không thể sử dụng Dịch vụ (bao gồm cả trường hợp tất cả các hoạt động liên lạc bằng thiết bị viễn thông liên quan đến hợp đồng bị cản trở nghiêm trọng, dẫn đến tình trạng tương đương với việc hoàn toàn không thể sử dụng Dịch vụ; sau đây trong Điều này cũng có cùng ý nghĩa) kéo dài liên tục từ 24 giờ trở lên, tính từ thời điểm Công ty biết được tình trạng đó.

2. Trong trường hợp nêu tại khoản trên, đối với khoảng thời gian tình trạng hoàn toàn không thể sử dụng Dịch vụ kéo dài kể từ thời điểm Công ty biết được sự việc (chỉ tính phần thời gian là bội số của 24 giờ), Công ty sẽ tính số ngày theo từng khoảng 24 giờ và coi số tiền được tính theo tỷ lệ số ngày trên phí sử dụng hàng tháng tương ứng với số ngày đó là thiệt hại phát sinh, đồng thời chỉ bồi thường trong phạm vi số tiền đó.

3. Khi Công ty không cung cấp Dịch vụ do cố ý hoặc lỗi nghiêm trọng của Công ty, các quy định tại hai khoản trên sẽ không được áp dụng.

Điều 36 (Miễn trừ trách nhiệm)

Trong quá trình lắp đặt, tháo dỡ, sửa chữa hoặc khôi phục các thiết bị liên quan đến Dịch vụ hoặc các thiết bị viễn thông khác, nếu Công ty gây thiệt hại cho đất đai, tòa nhà hoặc các công trình khác thuộc quyền sở hữu/sử dụng của bên ký hợp đồng, nhưng thiệt hại đó phát sinh do nguyên nhân không thuộc trách nhiệm của Công ty, thì Công ty không chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại đó.

2. Ngay cả khi việc thay đổi Điều khoản, v.v. khiến thiết bị đầu cuối hoặc thiết bị viễn thông do bên ký hợp đồng tự lắp đặt phải được cải tạo hoặc thay đổi (sau đây trong Điều này gọi là “Cải tạo, v.v.”), Công ty sẽ không chịu chi phí cần thiết cho việc Cải tạo, v.v.

Tuy nhiên, nếu việc thay đổi các quy định về điều kiện kỹ thuật kết nối thiết bị đầu cuối, v.v. (bao gồm cả việc thay đổi cách áp dụng các điều kiện kỹ thuật do thay đổi thiết bị viễn thông được Công ty lắp đặt) khiến thiết bị đầu cuối hoặc thiết bị viễn thông do bên ký hợp đồng tự lắp đặt hiện đang được kết nối với thiết bị đường truyền viễn thông do Công ty lắp đặt phải được Cải tạo, v.v., thì Công ty sẽ chịu phần chi phí Cải tạo, v.v. liên quan đến nội dung quy định đã được thay đổi.

Điều 37 (Không đảm bảo tốc độ truyền thông)

Công ty không đưa ra bất kỳ đảm bảo nào về tốc độ truyền thông của Dịch vụ.

Bên ký hợp đồng đồng ý rằng tốc độ truyền thông của Dịch vụ do Công ty quy định là tốc độ tối đa, và tốc độ thực tế có thể thay đổi tùy thuộc vào tình trạng kết nối, thiết bị thông tin liên lạc mà bên ký hợp đồng sở hữu, môi trường mạng và các nguyên nhân khác.

Chương 9: Các quy định khác

Điều 38 (Cam kết và bảo đảm về việc không thuộc các thế lực phản xã hội)

Bên ký hợp đồng cam kết và bảo đảm rằng, tại thời điểm ký kết Hợp đồng sử dụng Dịch vụ cũng như sau khi ký kết, bản thân mình không phải là tổ chức tội phạm, doanh nghiệp/tổ chức có liên quan đến tổ chức tội phạm hoặc các thế lực phản xã hội khác (sau đây gọi chung là “Thế lực phản xã hội”), đồng thời không chịu sự kiểm soát hoặc ảnh hưởng của các Thế lực phản xã hội.

2. Nếu được xác định một cách hợp lý rằng bên ký hợp đồng thuộc một trong các trường hợp sau, Công ty có thể chấm dứt Hợp đồng sử dụng Dịch vụ mà không cần gửi thông báo yêu cầu khắc phục trước:

(1) Thuộc Thế lực phản xã hội.

(2) Thế lực phản xã hội có sự tham gia thực chất vào việc quản lý/điều hành.

(3) Sử dụng Thế lực phản xã hội.

(4) Có liên quan đến Thế lực phản xã hội bằng cách cung cấp tiền hoặc các nguồn lực khác, hoặc cung cấp các tiện ích, hỗ trợ cho họ.

(5) Có mối quan hệ với Thế lực phản xã hội mà về mặt xã hội bị coi là đáng lên án.

(6) Tự mình hoặc thông qua bên thứ ba sử dụng hành vi gian dối, hành vi bạo lực hoặc lời nói mang tính đe dọa đối với những người có liên quan.

3. Bên ký hợp đồng thuộc một trong các trường hợp tại các mục của khoản trên phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại mà Công ty phải chịu do việc chấm dứt hợp đồng đó, đồng thời không được yêu cầu Công ty bồi thường thiệt hại phát sinh đối với chính mình.

Điều 39 (Giới hạn chấp thuận)

Khi bên ký hợp đồng yêu cầu thi công hoặc thực hiện các yêu cầu khác, nếu việc chấp thuận yêu cầu đó gặp khó khăn về mặt kỹ thuật, việc bảo trì gặp khó khăn nghiêm trọng hoặc có trở ngại đối với hoạt động kinh doanh của Công ty, Công ty có thể không chấp thuận yêu cầu đó.

Trong trường hợp này, Công ty sẽ thông báo lý do cho người đưa ra yêu cầu.

Tuy nhiên, nếu Điều khoản có quy định khác thì sẽ áp dụng theo quy định đó.

Điều 40 (Nghĩa vụ của bên ký hợp đồng liên quan đến việc sử dụng Dịch vụ)

Bên ký hợp đồng phải tuân thủ các quy định sau:

(1) Không được di chuyển, tháo dỡ, thay đổi, phân tách hoặc làm hư hỏng các thiết bị viễn thông do Công ty lắp đặt dựa trên Hợp đồng sử dụng Dịch vụ, cũng như không được kết nối dây dẫn hoặc các vật dẫn điện khác vào các thiết bị đó.

Tuy nhiên, quy định này không áp dụng khi cần bảo vệ thiết bị viễn thông đó trong trường hợp thiên tai, biến cố hoặc tình trạng khẩn cấp khác, hoặc khi cần thiết để kết nối hoặc bảo trì thiết bị đầu cuối do bên ký hợp đồng tự lắp đặt hoặc thiết bị viễn thông do bên ký hợp đồng tự lắp đặt.

Trong trường hợp này, bên ký hợp đồng phải nhanh chóng thông báo cho Công ty.

(2) Không được thực hiện các hành vi gây cản trở việc truyền tải thông tin liên lạc.

(3) Trừ trường hợp Công ty xác định rằng việc này không gây trở ngại cho hoạt động kinh doanh, không được gắn thêm máy móc, vật dụng bổ sung, v.v. vào thiết bị viễn thông do Công ty lắp đặt dựa trên Hợp đồng sử dụng Dịch vụ.

(4) Phải bảo quản thiết bị viễn thông do Công ty lắp đặt dựa trên Hợp đồng sử dụng Dịch vụ với sự cẩn trọng của một người quản lý tốt.

2. Nếu bên ký hợp đồng làm mất hoặc làm hư hỏng thiết bị viễn thông do vi phạm quy định tại khoản trên, bên ký hợp đồng phải thanh toán chi phí cần thiết cho việc bổ sung, sửa chữa hoặc thực hiện các công việc khác trước thời hạn do Công ty chỉ định.

Điều 41 (Cung cấp địa điểm lắp đặt đường truyền của bên ký hợp đồng, v.v.)

Việc bên ký hợp đồng cung cấp địa điểm để lắp đặt đường truyền của bên ký hợp đồng, thiết bị đầu cuối, v.v. được thực hiện như sau:

(1) Tại khuôn viên nơi có điểm kết cuối của đường truyền của bên ký hợp đồng, v.v. (bao gồm cả các khu vực tương đương) hoặc bên trong tòa nhà, bên ký hợp đồng phải cung cấp địa điểm cần thiết để Công ty lắp đặt đường truyền của bên ký hợp đồng và thiết bị đầu cuối.

(2) Bên ký hợp đồng có thể phải cung cấp nguồn điện cần thiết cho các thiết bị viễn thông mà Công ty lắp đặt dựa trên Hợp đồng sử dụng Dịch vụ.

(3) Nếu bên ký hợp đồng muốn sử dụng các thiết bị đặc biệt như đường ống, v.v. để Công ty lắp đặt thiết bị viễn thông tại khuôn viên nơi có điểm kết cuối của đường truyền của bên ký hợp đồng, v.v. (bao gồm cả các khu vực tương đương) hoặc bên trong tòa nhà, thì bên ký hợp đồng phải tự chịu chi phí lắp đặt các thiết bị đó.

(4) Bất kể quy định tại Khoản 2 của Điều này, nguồn điện cần thiết cho thiết bị đầu cuối đường truyền và thiết bị đầu cuối do Công ty quy định được lắp đặt tại phòng MDF sẽ do bên ký hợp đồng hoặc chủ sở hữu/người quản lý tòa nhà chịu chi phí.

Điều 42 (Các vấn đề kỹ thuật)

Các vấn đề kỹ thuật cơ bản liên quan đến Dịch vụ được thực hiện theo quy định riêng của Công ty.

Điều 43 (Các vấn đề được quy định trong pháp luật)

Đối với các vấn đề liên quan đến việc cung cấp hoặc sử dụng Dịch vụ đã được pháp luật quy định, sẽ thực hiện theo các quy định của pháp luật đó.

Điều 44 (Cung cấp để xem)

Đối với những vấn đề mà Điều khoản quy định Công ty sẽ quy định riêng, Công ty sẽ cung cấp các nội dung đó để bên liên quan có thể xem/tra cứu.

Điều 45 (Chức năng bổ sung)

Khi bên ký hợp đồng có yêu cầu, Công ty sẽ cung cấp các chức năng bổ sung theo quy định riêng.

Tuy nhiên, nếu việc cung cấp chức năng bổ sung gặp khó khăn về mặt kỹ thuật, việc bảo trì gặp khó khăn nghiêm trọng hoặc có trở ngại đối với hoạt động kinh doanh của Công ty, Công ty có thể không cung cấp chức năng bổ sung đó.

Điều 46 (Dịch vụ đi kèm với Dịch vụ)

Bên ký hợp đồng đang sử dụng các dịch vụ khác do Công ty hoặc công ty khác cung cấp miễn phí, đi kèm với Dịch vụ theo quy định riêng của Công ty (sau đây gọi là “Dịch vụ đi kèm”), nếu sau khi Hợp đồng sử dụng Dịch vụ kết thúc mà vẫn muốn tiếp tục sử dụng Dịch vụ đi kèm, thì bên ký hợp đồng đồng ý thanh toán khoản phí do Công ty hoặc công ty cung cấp Dịch vụ đi kèm quy định riêng.

Điều 47 (Sử dụng thông tin liên quan đến bên ký hợp đồng)

Công ty sẽ sử dụng các thông tin của bên ký hợp đồng như họ tên/tên công ty, số điện thoại liên hệ, địa chỉ hoặc nơi cư trú, địa chỉ gửi hóa đơn, v.v. trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện các nghiệp vụ theo quy định trong điều khoản hợp đồng của Công ty hoặc của doanh nghiệp do Công ty chỉ định (sau đây gọi là “Doanh nghiệp được chỉ định”), bao gồm:

- Đăng ký hợp đồng dịch vụ của Công ty hoặc Doanh nghiệp được chỉ định;
- Ký kết hợp đồng;
- Thi công;
- Áp dụng phí;
- Thu phí;
- Và các nghiệp vụ khác cần thiết.

Việc sử dụng này cũng bao gồm trường hợp cung cấp thông tin của bên ký hợp đồng cho đơn vị được Công ty ủy thác thực hiện công việc.

Điều 48 (Thay đổi hoặc chấm dứt Dịch vụ)

Công ty có thể thay đổi hoặc chấm dứt toàn bộ hoặc một phần Dịch vụ do các lý do liên quan đến Công ty hoặc doanh nghiệp được chỉ định, v.v.

2. Khi thay đổi hoặc chấm dứt Dịch vụ theo quy định tại khoản trên, Công ty sẽ thông báo cho bên ký hợp đồng trong một khoảng thời gian hợp lý trước đó.

Chương 10: Các quy định khác

Điều 49 (Phát hành giấy chứng nhận thanh toán, v.v.)

Khi bên ký hợp đồng, v.v. có yêu cầu, Công ty sẽ phát hành giấy chứng nhận xác nhận đã thanh toán các khoản phí của Dịch vụ và Dịch vụ đi kèm, cũng như các khoản nợ khác (các khoản phí, chi phí thi công, tiền phạt tăng thêm, v.v. phải thanh toán theo Điều khoản này và các khoản nợ khác ngoài phí) mà đã được thanh toán cho Công ty.

Tuy nhiên, quy định này không áp dụng trong trường hợp Công ty đã chuyển nhượng khoản phải thu liên quan đến Dịch vụ cho doanh nghiệp thu phí.

2. Khi bên ký hợp đồng, v.v. yêu cầu cấp giấy chứng nhận theo khoản trên và được cấp giấy chứng nhận thanh toán, bên ký hợp đồng phải thanh toán phí thủ tục, phí gửi bưu điện, v.v. theo Bảng phí đính kèm.

3. Bên ký hợp đồng đồng ý với việc Công ty thực hiện các thủ tục quy định tại Khoản 1.